

Số: **1934**/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **29** tháng **11** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm công cụ
phục vụ phương án A2.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, ngày 26/6/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29/03/2016 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT, ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-UBND, ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung kinh phí để đảm bảo thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ năm 2018 và các kế hoạch, phương án A2;

Xét đề nghị của Công an tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 346/TTr-CAT-PH11, ngày 20/11/2018 và thẩm định của Sở Tài chính tại Báo cáo số 232/BC-STC, ngày 26/11/2018 về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân quân tự vệ năm 2018 (12 Trung đội),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm công cụ phục vụ phương án A2, cụ thể như sau:

- 1. Tên gói thầu:** Mua sắm công cụ phục vụ phương án A2.
- 2. Đơn vị thực hiện:** Công an tỉnh Đắk Nông.
- 3. Giá gói thầu mua sắm:** 2.498.800.000 (Hai tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, tám trăm ngàn đồng).

Giá gói thầu trên là giá trọn gói đối với việc mua sắm hàng hóa, đảm bảo mới 100%; đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển và chi phí khác



(nếu có).

4. Nguồn vốn: Quyết định số 346/QĐ-UBND, ngày 23/8/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung kinh phí để đảm bảo thực hiện diễn tập khu vực phòng thủ năm 2018 và các kế hoạch, phương án A2.

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

7. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2018.

8. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

10. Danh mục mua sắm chi tiết tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Công an tỉnh Đắk Nông có trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này và tổ chức thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, bảo đảm chất lượng, chủng loại, quy cách, số lượng sản phẩm và tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định; hướng dẫn, tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh Đắk Nông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT, CNXD (MNC).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Bón

PHỤ LỤC: DANH MỤC MUA SẴM**Gói thầu: Mua sắm công cụ phục vụ phương án A2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1934/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)



Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Ống nhôm dẹt KTS-NV (2 mắt)	Cái	8	19.700.000	157.600.000
2	Máy ghi âm KTS: bộ nhớ 16GB	Cái	9	4.500.000	40.500.000
3	Camera KTS loại cảm biến, chế độ quay 04k; kết nối HDIM, USB, wifi, NFC	Cái	2	25.350.000	50.700.000
4	Cuộn dây phản quang bảo vệ hiện trường bảo vệ hiện trường	Cuộn	20	950.000	19.000.000
5	Máy rà kim loại cầm tay	Cái	10	5.200.000	52.000.000
6	Kềm gai bùng nhùng chống ôxy hóa, đường kính 60cm, kéo thẳng dài 100m; khoảng cách giữa hai hình dao 15mm	Cuộn	200	2.000.000	400.000.000
7	Ống ốp bảo vệ tay chân; chất liệu nhựa PEHD, chống va đập, có lớp giảm chấn bằng xốp; có thể co giãn, điều chỉnh được kích cỡ.	Đôi	160	1.350.000	216.000.000
8	Cụ mã chữ A [(KT:2,4x2)x2]m; khung sắt V6 độ dày 6.0 ly; giữa có 2 cây sắt V4 hàn chéo chữ X; sơn 02 lớp ngoài sơn đỏ, trắng	Cái	150	7.000.000	1.050.000.000
9	Quả cay di động	Quả	400	440.000	176.000.000
10	Quả rít khói màu	Quả	350	460.000	161.000.000
11	Quả nổ nghiệp vụ	Quả	400	440.000	176.000.000
Tổng cộng					2.498.800.000